

## BÀI 4: HÙNG ĐÔNG MẶT BIỂN (tiết 15 – 20, SHS, tr.125 – 129)

### I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về tên gọi và vẻ đẹp của một bãi biển mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tả vẻ đẹp của cảnh biển lúc bình minh, thể hiện tình yêu thiên nhiên thanh bình, tươi đẹp*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp bình minh, vẻ đẹp của thiên nhiên.*
3. Nhìn – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ui/uy; r/d/gi, iêc/iêt.*
4. Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ môi trường); đặt được câu với từ ngữ cho sẵn, điền từ.

5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Chuyện của cây sồi* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Viết được 4 – 5 câu về tình cảm với một sự việc theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về thiên nhiên.
8. Thực hiện được trò chơi *Hoạ sĩ nhí*; đặt tên, giới thiệu được bức vẽ với bạn hoặc người thân.

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Gió càng lúc đến lao mình tới*.
- Tranh ảnh, video clip truyện *Chuyện của cây sồi* (nếu có).
- HS mang tới lớp bài thơ về thiên nhiên đã tìm đọc.
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để vẽ cảnh biển.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1, 2

#### A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về tên và vẻ đẹp của một bãi biển.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: cảnh gì, ở đâu,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Hình đông mặt biển*.

#### B. Khám phá và luyện tập

##### 1. Đọc

##### 1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, nhấn mạnh ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của cảnh biển).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nguy nga, rục rờ, vút, thon thả, rườn, long lanh, du ngoạn, lai láng, can trường...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Mảnh buồn nhỏ tí phía sau/ nom như một con chim/ đang đỗ sau lái,/ cổ rườn cao/ sắp lên tiếng hót.// Nhìn từ xa,/ giữa cảnh mây nước long lanh,/ mấy chiếc thuyền lười/ làm ăn nhiều khi vất vả/ nhưng trông cứ như những con thuyền du ngoạn.//;...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

### 1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *du ngoạn* (đi chơi ngắm cảnh), *can trường* (gan dạ, không sợ nguy hiểm), *nguy nga* (to lớn, đẹp đẽ và uy nghi – thường dùng để nói về công trình kiến trúc), *thon thả* (có vẻ thon và đẹp), *long lanh* (có ánh sáng phản chiếu trên vật trong suốt, tạo vẻ đẹp trong sáng, sinh động), *ức* (ngực), *lai láng* (tràn đầy khắp cả, như đầu cũng có, *tựa hồ* (giống như),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tả vẻ đẹp của cảnh biển lúc bình minh, thể hiện tình yêu thiên nhiên thanh bình, tươi đẹp.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp bình minh, vẻ đẹp của thiên nhiên.*

### 1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Gió càng lúc đến lao mình tới.*

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Gió càng lúc đến lao mình tới.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

## 2. Viết

### 2.1. Nghe – viết

– HS nghe đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, để viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *cuộn, lai láng, mênh mông, hụp, nô giỡn, âm âm, võ sĩ, ức, mũi, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *gió, giỡn, giờ, ...*

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

### 2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ui/uy; d/r/gi, iêc/iêt

#### 2.2.1. Phân biệt ui/uy

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS trao đổi nhóm tìm lời giải đố (Đáp án: *tàu thủy, mũi*).

– HS nêu kết quả trong nhóm đôi và nói trước lớp.

– HS viết lời giải đố vào VBT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS đặt câu với từ ngữ tìm được để hiểu nghĩa từ (nếu cần).

### 2.2.2. Phân biệt r/d/gi, iêc/iêt


- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS đọc đoạn văn và các tiếng trong ngoặc đơn.
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ r/d/gi: *dầu, rụng, giữa, dầu* – vần iêc/iêt: *tiết, biếc, thiết*).
- HS nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 3, 4

### 3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ bằng cách chọn thẻ màu xanh có lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ ngữ trong thẻ màu hồng trong nhóm nhỏ.
- HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết 2 – 3 câu vừa đặt vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS chọn từ ngữ trong khung phù hợp với mỗi  trong đoạn văn (Đáp án: *nhỏ, trong vắt, vắng vắng, chảy, tràn ngập*).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền từ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 5. Kể chuyện (Nghe – kể)

#### CHUYỆN CỦA CÂY SỒI

1. Ngày xưa, khắp nơi trên mặt đất đều là những khu rừng xanh tốt. Những cái cây trò chuyện với nhau. Nhiều cây non nói:

- Dòng nước ngầm chảy qua rễ mình, mát quá!

Một cây béo ú cất giọng:

- Chúng ta chỉ cần hút nước và tận hưởng, sướng thật!

2. Trong khi đó, một cây sồi bé nhỏ nhất đám im lặng. Cuối cùng nó mới cất tiếng:

– Tớ không nghĩ vậy. Ông tớ bảo chẳng có gì là mãi mãi, sẽ có ngày nguồn nước cạn kiệt. Nếu chỉ biết tận hưởng mà không phát triển bộ rễ mạnh khỏe, chúng ta sẽ sớm chết khô!

– Chết ư? – Cái cây béo tốt cười – Thôi đi ông cụ non, làm gì có chuyện đó.

– Đúng rồi, đúng rồi! – Cả đám cây tán đồng.

Sồi con không còn biết nói gì nữa. Nó đành lủi thủi một mình.

3. Thế là từ đó, trong khi bạn bè tập trung phát triển thân, cành thì sồi con chăm sóc bộ rễ. Không ít lần, sồi con gặp phải những viên đá, những khoảng đất cứng, song nó không hề nản.

4. Bỗng một ngày kia, một trận động đất làm cho nhiều mạch nước ngầm bị tắc. Nguồn nước cạn kiệt, nhiều cây đã lần lượt bị khô héo. Cái cây béo tốt dạo nọ từ từ đổ xuống vì bộ rễ yếu ớt không thể giữ được cái thân to khỏe.

Cách đó không xa, gia đình nhà sồi vẫn đứng vững, xanh tươi dưới trời nắng gắt.

*Phỏng theo Hạt giống tâm hồn*

### **5.1. Nghe kể chuyện**

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện. GV có thể giới thiệu thêm về cây sồi (một loại cây lấy gỗ, sống trong rừng).

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể). GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi, kết hợp với quan sát tranh minh họa từng đoạn truyện và kiểm tra phán đoán của mình.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

### **5.2. Kể từng đoạn câu chuyện**

– HS quan sát tranh và cụm từ gợi ý dưới tranh để kể lại từng đoạn, 2 đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

### **5.3. Kể toàn bộ câu chuyện**

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

## **TIẾT 5, 6**

### **6. Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc**

#### **6.1. Nói về tình cảm với một sự việc**

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS thực hiện theo nhóm nhỏ, dựa vào thẻ từ để tìm ý cho bài nói về tình cảm khi tham gia một ngày hội ở trường bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi bạn thực hiện một ý.
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### **6.2. Viết về tình cảm với một sự việc**

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung vừa nói ở BT 6a vào VBT.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## **C. Vận dụng**

### **1. Đọc mở rộng**

#### **1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về thiên nhiên**

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ), điều em thích (từ ngữ, hình ảnh),...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### **1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)**

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ), điều em thích (từ ngữ, hình ảnh),...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### **2. Chơi trò chơi Hoạ sĩ nhí**

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS vẽ cảnh biển và đặt tên cho bức vẽ.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để giới thiệu về tên bức vẽ và những gì mình đã vẽ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.